

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Hùng

2. Bà Hoàng Thị D

-Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022.

1. *Nguyên đơn:* Anh Giàng Seo L, năm sinh 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Hô Sáo C, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Vàng Thị S, sinh năm 1994

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Hô Sáo C, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Giàng Seo L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2011 nhưng anh L không nhớ ngày, tháng cụ thể vì thời gian đã lâu, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 23/10/2012, anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện S,

tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng vào tháng 3/2022. Nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình khó khăn, làm ruộng chỉ đủ gạo để ăn, không có tiền tiêu nên vợ chồng anh chị cùng ra ngoài đi làm thuê nhưng trong thời gian làm thuê vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi nhau, không còn yêu thương nhau nữa, dần dần về sau thì hai vợ chồng tự làm ăn riêng, người nào làm được tiền thì người đó giữ và tự chi tiêu; vợ chồng thiếu tôn trọng nhau và xúc phạm lẫn nhau. Đến tháng 3/2022 thì vợ chồng anh chị về địa phương sinh sống nhưng mỗi người ở 1 nhà, chị S ở nhà bố mẹ đẻ một vài ngày thì đi làm thuê nhưng không nói với anh L nên anh L cũng không biết là chị S làm gì, ở đâu, thỉnh thoảng chị S có về nhà thì chị S ở luôn nhà bố mẹ đẻ, coi anh L như người lạ. Anh L cũng tức chị S nên anh L cũng không hỏi chị S làm gì, ở đâu, chị S là lao động tự do nên lúc làm chỗ này, lúc làm chỗ khác không ổn định, điện thoại thì cũng chặn hết các loại liên lạc, khi nào cần gọi để xem con cái thế nào thì chị S chỉ liên lạc qua zalo của bố mẹ; chị S cũng thường xuyên thay đổi số điện thoại. Hiện nay kiếm được tiền thì chị S chỉ gửi cho bố mẹ đẻ của chị S thỉnh thoảng mua quần áo, đồ ăn cho hai con. Anh L đã nhiều lần liên lạc bảo chị S về nhưng chị S không đồng ý về chung sống với anh L nữa; anh L nói ly hôn thì chị S bảo anh L là cứ ly hôn đi vì đã hết tình cảm với nhau rồi. Thực tế từ tháng 3/2021, vợ chồng anh chị không còn quan hệ tình cảm với nhau, sống ly thân với nhau, nay thì cũng xem nhau như người xa lạ; bố mẹ đẻ của chị S cũng ở gần nhà anh L tại thôn Hồ Sáo C thì nay cũng ghét anh L, coi như anh chị đã bỏ nhau rồi. Trước đây, bố mẹ đẻ chị S cũng bảo chị S về, trưởng thôn là chú ruột của chị S cũng gọi chị S về để vợ chồng tiếp tục lấy nhau và cùng nuôi con nhưng chị S không đồng ý. Thôn và gia đình đều khuyên bảo nhưng chị S không nghe nên vợ chồng anh chị vẫn như vậy. Nay anh L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh L và chị S không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị S để anh L yên tâm làm ăn, sinh sống và nuôi cho các con ăn học.

Về con chung: Quá trình chung sống anh L và chị S có hai người con chung là cháu Giàng Thị D, sinh ngày 09/9/2012 và cháu Giàng A Th, sinh ngày 25/02/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh L. Nay anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Giàng Thị D và cháu Giàng A Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án thì chị S có nói với gia đình chị S là anh L ly hôn chị thì cứ ly hôn đi nhưng để cho chị S nuôi cháu D, để cháu D ở với ông bà ngoại trong thời gian chị S đi làm. Nhưng nay chị S đang bận đi làm thì Tòa án cứ để anh L nuôi con; khi nào chị S về nhà ở ổn định mà muốn nuôi cháu D thì cứ nói với anh L, anh L sẽ để cháu D sang ở cùng với chị S.

Về điều kiện nuôi con: Anh L là lao động tự do, công việc chính là làm ruộng nương và khi nào làm xong ruộng nương thì anh L đi làm thuê. Thu nhập 1 tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); các con anh L đi học đều được nhà nước hỗ trợ nên anh L đảm bảo sẽ nuôi được con khi ly hôn.

- Kèm theo đơn khởi kiện anh Giàng Seo L đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của anh là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn chị Vàng Thị S:

Chị Vàng Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng chị S không có văn bản trả lời ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của anh Giàng Seo L.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được do anh L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Giàng Seo L xử cho anh Giàng Seo L được ly hôn với chị Vàng Thị S.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Giàng Thị D, sinh ngày 09/9/2012 và cháu Giàng A Th, sinh ngày 25/02/2014 cho anh Giàng Seo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Giàng Thị D và cháu Giàng A Th đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục Tố tụng: Anh Giàng Seo L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với chị Vàng Thị S có địa chỉ nơi cư trú: Thôn Hô Sáo C, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng Seo L và chị Vàng Thị S là hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 3/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình nên xảy ra cãi chửi nhau, thiếu quan tâm đến nhau. Thực tế từ tháng 3/2021, vợ chồng anh chị không còn quan hệ tình cảm với nhau, sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được thôn và gia đình đều khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị Vàng Thị S không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của anh L và giải quyết vụ án. Mâu thuẫn vợ chồng anh L và chị S đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng như anh L đã trình bày (Bút lục 42).

Vì vậy việc anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh L và chị S có hai người con chung là cháu Giàng Thị D, sinh ngày 09/9/2012 và cháu Giàng A Th, sinh ngày 25/02/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh L. Nay anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Giàng Thị D và cháu Giàng A Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu D và cháu Th do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện nay chị S đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về thăm con, không có điều kiện và thời gian để trực tiếp chăm sóc con chung. Anh L đã cung cấp đơn có xác nhận của địa phương về mức thu nhập của anh L và hiện nay cả cháu D, cháu Th đi học đều được nhà nước hỗ trợ. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Giàng Thị D và cháu Giàng A Th cho anh Giàng Seo L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh L không đề cập đến cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ tài sản: Do anh Giàng Seo L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Giàng Seo L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Giàng Seo L được ly hôn với chị Vàng Thị S.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Thị D, sinh ngày 09/9/2012 và cháu Giàng A Th, sinh ngày 25/02/2014 cho anh Giàng Seo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Giàng Thị D và cháu Giàng A Th đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Giàng Seo L phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006905 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh Giàng Seo L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã T,
huyện S, tỉnh Lào Cai.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TQĐ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Hùng

Hoàng Thị D

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã T,
huyện S, tỉnh Lào Cai.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TQĐ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi